FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	29,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	13.1%	7.4%	-5.3%

2024

DT thuần **4,107** *tỷ VNĐ*

YoY ▼ 235 ▼ 5.4%

2024

LN gộp **198** *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 10.0 ▲ 5.7%

2024

LN thuần **34.7** *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 6.10 ▲ 21.2%

2024

LN sau thuế **26.9** *tỷ VNĐ*

YoY ▼ 7.60 ▼ 22.0%

2024

ROE **6.2%**

+/- YoY ▼ 1.7%

2024

ROA **5.5%**

+/- YoY ▼ 1.3%

Lịch sử giá

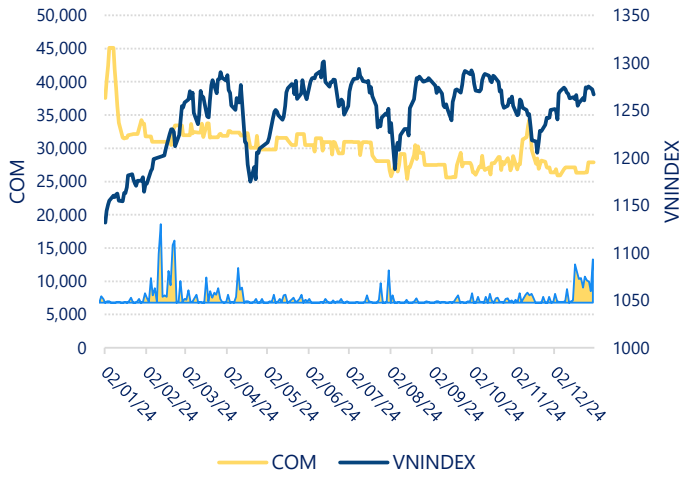

Kết quả kinh doanh

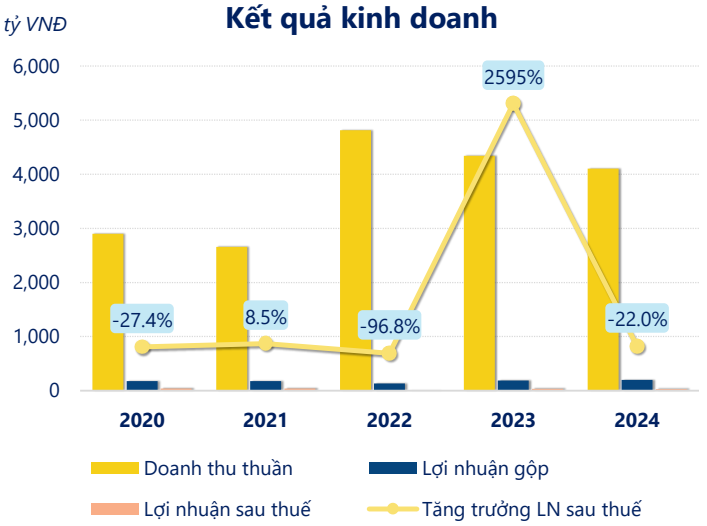

Kết quả kinh doanh **COM** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **4,107** tỷ đồng **giảm 5.43%**, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 22.0%** chỉ còn **26.88** tỷ đồng.

Sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận cùng với **ROE** ở mức **6.15%**. Cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng lợi nhuận. Cần tối ưu hóa hoạt động và quản lý vốn hiệu quả.

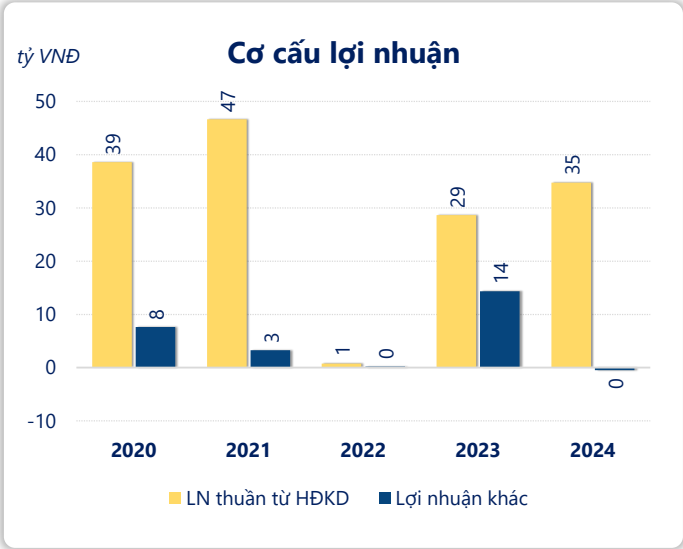

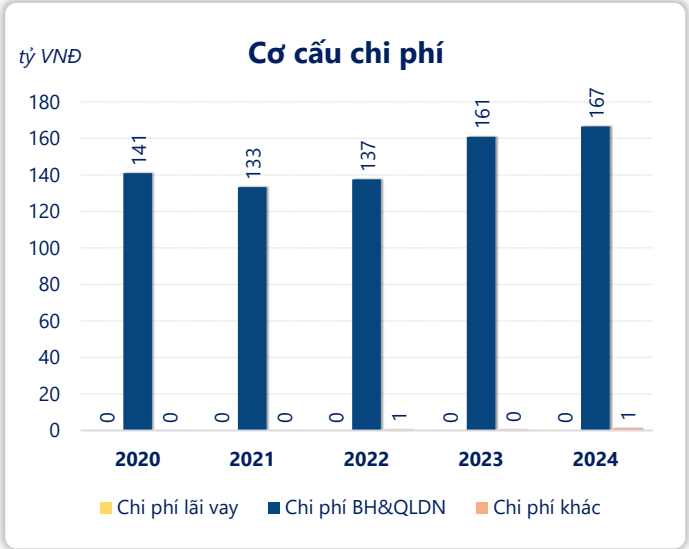

Năm **2024**, **COM** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **34.71** tỷ đồng, **tăng lên 6.08** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (29.86 tỷ đồng) là 4.85 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **166.6** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **1.18** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của COM năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **6.15%**, **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.

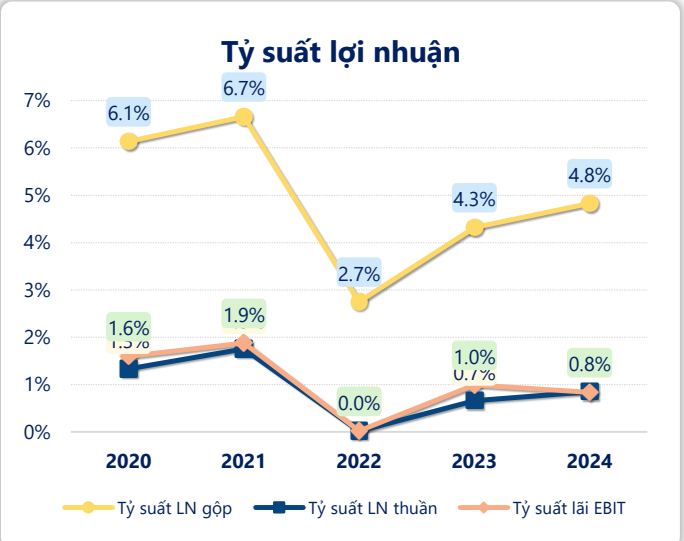

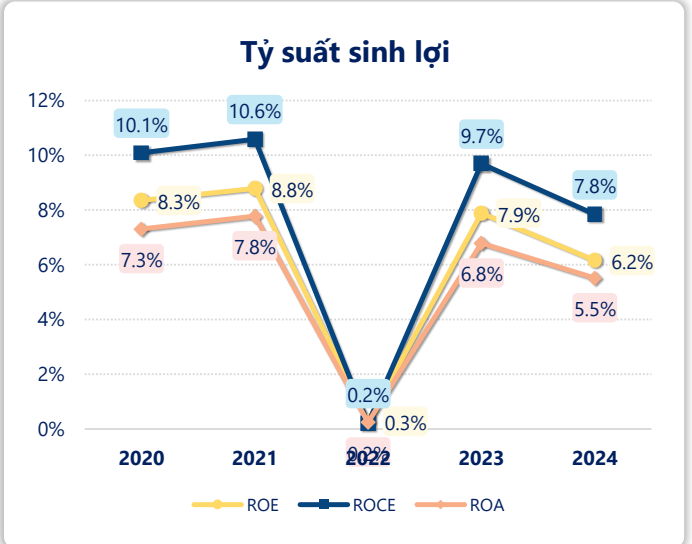

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**2,899**	**2,660**	**4,816**	**4,342**	**4,107**
Giá vốn hàng bán	2,721	2,483	4,683	4,155	3,908
Lợi nhuận gộp	**178**	**177**	**132**	**188**	**198**
Doanh thu HĐTC	1.07	1.51	17.9	3.60	2.55
Chi phí TC	-0.68	-1.28	12.1	1.68	-0.46
Chi phí lãi vay	**0.05**	**0**	**0.04**	**0.07**	**0**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	126	119	122	144	149
Chi phí QLDN	14.7	13.8	15.8	17.4	18.0
LN thuần từ HĐKD	**38.6**	**46.6**	**0.76**	**28.6**	**34.7**
Lợi nhuận khác	7.63	3.28	0.18	14.3	-0.49
LN trước thuế	**46.2**	**49.9**	**0.94**	**43.0**	**34.2**
Lợi nhuận sau thuế	**37.0**	**40.2**	**1.28**	**34.5**	**26.9**
LNST của CĐ cty mẹ	**37.0**	**40.2**	**1.28**	**34.5**	**26.9**

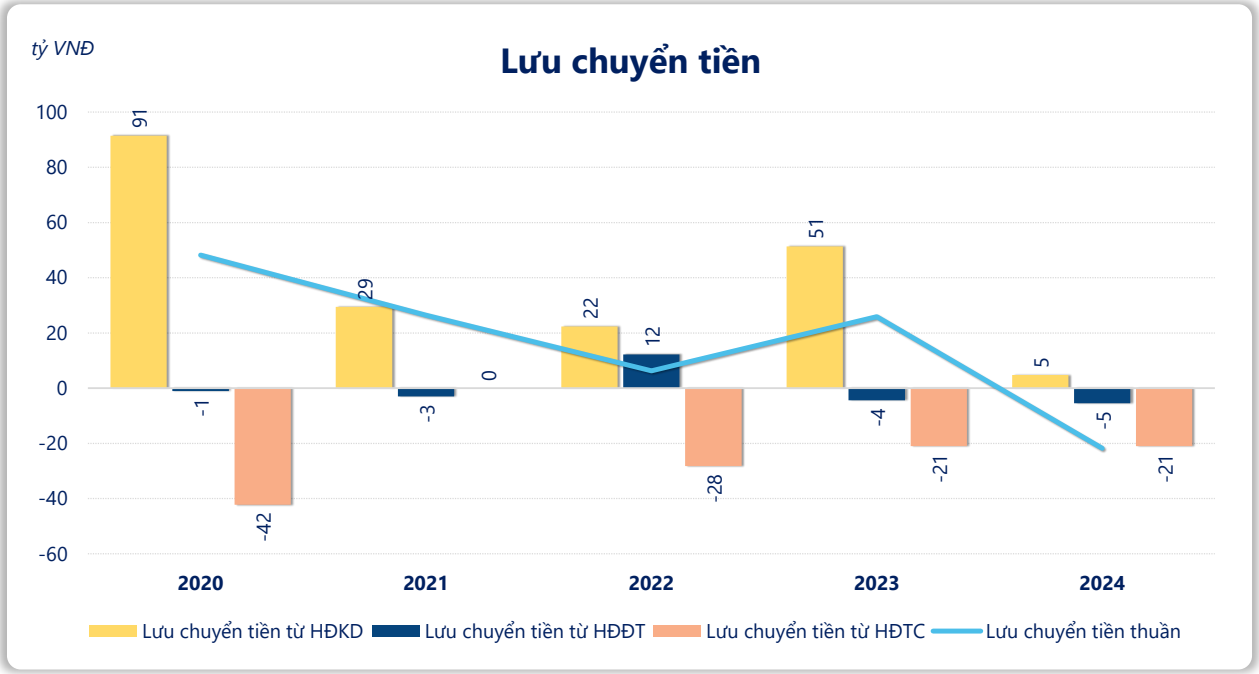

Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của COM bằng **-21.78** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (25.87 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **4.71** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-5.48** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-21.02** tỷ đồng.